

Số: /QĐ-SGDĐT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng
Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về tổ chức chính quyền địa phương tại thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cơ sở dữ liệu ngành giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin;

Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở

Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng cơ quan Sở, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, Thủ trưởng các đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để b/c);
- UBND thành phố (để b/c);
- Ban Chỉ đạo CDS ngành GD&ĐT;
- Như Điều 3
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Lương Văn Việt

QUY CHẾ
Quản lý, vận hành và sử dụng
Hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5344/QĐ-SGDĐT
ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là Hệ thống CSDL ngành).
- Quy chế này áp dụng đối với:
 - Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (gọi chung là Sở Giáo dục và Đào tạo);
 - Ủy ban nhân dân cấp xã (xã, phường, đặc khu) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục theo phân cấp;
 - Cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục chuyên biệt; trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm khác làm nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (gọi chung là cơ sở giáo dục).
 - Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Hệ thống CSDL ngành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng (gọi tắt là CSDL ngành) là tập hợp dữ liệu số hóa thông tin phục vụ quản lý nhà nước về giáo dục, bao gồm: dữ liệu về trường học, lớp học, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người học, chương trình giáo dục, cơ sở vật chất và các dữ liệu liên quan khác do Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng xây dựng, cập nhật và quản lý.
- Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng (gọi tắt là Hệ thống CSDL ngành) gồm: hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, phần mềm quản lý và dữ liệu số hóa chuyên ngành, do Sở Giáo dục và Đào tạo

xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành đồng bộ, thống nhất trên toàn ngành giáo dục thành phố.

Hệ thống CSDL ngành có các chức năng cơ bản: thu thập, lưu trữ, báo cáo, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin số về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Hệ thống được triển khai và vận hành trên môi trường Internet tại địa chỉ truy cập <https://csdl.haiphong.edu.vn> (hoặc địa chỉ khác do Sở chỉ định bằng văn bản), và cung cấp thông tin theo các nhóm dữ liệu sau:

a) Thông tin về giáo dục mầm non, bao gồm: mạng lưới cơ sở giáo dục; nhóm/lớp; đội ngũ cán bộ, giáo viên; trẻ em; cơ sở vật chất - thiết bị; tài chính; và các thông tin khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Thông tin về giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, bao gồm: mạng lưới cơ sở giáo dục; lớp học; đội ngũ cán bộ, giáo viên; người học; cơ sở vật chất - thiết bị; tài chính; và các thông tin khác theo quy định hiện hành.

3. Mã định danh trên Hệ thống CSDL ngành là chuỗi ký tự duy nhất được gán cho từng đối tượng quản lý (bao gồm: cơ sở giáo dục, cán bộ, giáo viên, học sinh...) nhằm định vị và nhận dạng thống nhất trong toàn hệ thống.

Mã định danh được cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc được tạo tự động trên phần mềm CSDL ngành. Mã này không trùng với mã định danh cá nhân do Bộ Công an cấp và không có giá trị thay thế căn cước công dân hoặc mã định danh công dân.

Việc sử dụng mã định danh là bắt buộc trong quá trình quản lý, khai thác, đối soát và báo cáo dữ liệu nhằm đảm bảo tính chính xác, không trùng lặp và dễ truy xuất thông tin.

4. Tài khoản trên Hệ thống CSDL ngành là thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền cấp, gồm tên đăng nhập và mật khẩu, dùng để truy cập, cập nhật, khai thác và sử dụng Hệ thống CSDL ngành theo phạm vi phân quyền.

Có hai loại tài khoản:

a) Tài khoản quản trị: dùng để quản trị toàn bộ hoặc một phần Hệ thống CSDL ngành theo thẩm quyền, bao gồm các chức năng thiết lập, phân quyền, giám sát và điều phối hoạt động trên hệ thống;

b) Tài khoản khai thác: dùng để cập nhật, tra cứu, sử dụng thông tin trên hệ thống trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

Mỗi đơn vị thuộc đối tượng áp dụng được cấp một tài khoản quản trị và có thể tạo nhiều tài khoản khai thác khác nhau để phục vụ hoạt động nội bộ. Việc sử

dụng tài khoản phải tuân thủ quy định bảo mật, không chia sẻ thông tin đăng nhập cho tổ chức, cá nhân khác khi chưa được phép, và phải thực hiện bàn giao khi có thay đổi nhân sự hoặc vị trí công tác.

5. Báo cáo dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành (gọi tắt là báo cáo CSDL) là việc nhập, tổng hợp và sử dụng dữ liệu số hóa theo định dạng thống nhất được quy định trên hệ thống, phục vụ công tác thống kê, tổng hợp, phân tích, giám sát và điều hành trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 3. Các đặc tính của Cơ sở dữ liệu ngành

1. Tính thống nhất: Dữ liệu được chuẩn hóa định dạng, mã hóa thống nhất toàn ngành, đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan;

2. Tính đầy đủ: Dữ liệu phải bao quát đầy đủ các trường thông tin bắt buộc theo từng đối tượng quản lý; đảm bảo không thiếu sót trong quá trình thu thập, cập nhật.

3. Tính chính xác: Dữ liệu phản ánh đúng thực tế quản lý, được nhập đúng quy trình, có kiểm duyệt, lưu vết thời điểm tạo lập;

4. Tính kịp thời: Dữ liệu phải được cập nhật ngay khi có thay đổi; đảm bảo đáp ứng thời gian báo cáo, thống kê theo quy định của ngành và yêu cầu phát sinh;

5. Tính bảo mật và an toàn thông tin: Dữ liệu trong CSDL ngành phải được bảo vệ theo cấp độ, không để rò rỉ, truy cập trái phép; đảm bảo quyền riêng tư dữ liệu cá nhân và dữ liệu tổ chức theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành

Việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Thống nhất, đầy đủ, chính xác, kịp thời trong khai thác và sử dụng dữ liệu, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo quy định tại quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Đảm bảo kết nối và chia sẻ dữ liệu liên thông:

a) Hệ thống CSDL bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt, liên tục giữa các cơ sở giáo dục, các đơn vị quản lý giáo dục trên địa bàn thành phố;

b) Đồng thời đáp ứng yêu cầu chia sẻ, tích hợp dữ liệu với các hệ thống CSDL chuyên ngành, CSDL cấp tỉnh, quốc gia, và Hệ thống CSDL ngành do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý.

3. Khai thác đúng thẩm quyền, bảo đảm an ninh dữ liệu

a) Mỗi đơn vị, cá nhân chỉ được truy cập, sử dụng dữ liệu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công;

b) Chịu trách nhiệm bảo đảm tính chính xác, toàn vẹn, an toàn và bảo mật dữ liệu theo phân cấp quản lý;

c) Nghiêm cấm các hành vi sau:

- Cung cấp, chia sẻ, sao chép hoặc khai thác dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành vì mục đích trục lợi cá nhân, vụ lợi tổ chức hoặc sử dụng trái mục đích;

- Truy cập trái phép, vượt quyền hoặc can thiệp trái phép vào dữ liệu ngoài phạm vi phân quyền;

- Cố ý nhập sai, cố ý làm sai lệch thông tin, cập nhật dữ liệu không đúng thực tế;

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các biện pháp bảo mật dẫn đến lộ lọt, rò rỉ, mất mát, thất thoát dữ liệu;

- Vi phạm các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và bí mật nhà nước.

Điều 5. Tài khoản trên Hệ thống CSDL ngành

1. Tài khoản trên Hệ thống CSDL ngành gồm tên đăng nhập và mật khẩu, do cơ quan có thẩm quyền cấp cho đơn vị hoặc cá nhân để thực hiện việc truy cập, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin theo phân cấp quản lý.

2. Tài khoản trên Hệ thống CSDL ngành được phân loại như sau:

a) Tài khoản quản trị: được cấp cho người đứng đầu hoặc bộ phận được ủy quyền của cơ quan, đơn vị để thực hiện việc quản lý, thiết lập thông tin đơn vị, phân quyền sử dụng và kiểm soát các hoạt động trên hệ thống theo thẩm quyền được giao.

b) Tài khoản khai thác: được cấp cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thuộc đơn vị để thực hiện việc cập nhật, báo cáo, tra cứu và khai thác dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Mỗi đơn vị được cấp một tài khoản quản trị; căn cứ theo nhu cầu, đơn vị có thể đề nghị cấp thêm tài khoản khai thác cho các bộ phận, cá nhân liên quan.

4. Việc sử dụng tài khoản phải tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin. Người được cấp tài khoản có trách nhiệm:

a) Bảo mật tuyệt đối thông tin tài khoản; không chia sẻ tên đăng nhập, mật khẩu cho người không có thẩm quyền;

- b) Thực hiện đúng chức năng được phân quyền; chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động cập nhật, khai thác dữ liệu thực hiện qua tài khoản được cấp;
- c) Kịp thời báo cáo với người phụ trách hoặc cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện nguy cơ mất an toàn, bị chiếm quyền sử dụng, rò rỉ dữ liệu;
- d) Bàn giao lại tài khoản cho đơn vị khi chuyển vị trí công tác, nghỉ chế độ hoặc có thay đổi nhân sự theo quy định.
- e) Cập nhật người sử dụng mới theo quy trình bàn giao nội bộ của đơn vị.

Điều 6. Phân cấp quản lý và cấp phát tài khoản trên Hệ thống CSDL ngành

1. Sở Giáo dục và Đào tạo là đơn vị quản lý tổng thể Hệ thống CSDL ngành, có trách nhiệm:

- a) Cấp và quản lý tài khoản quản trị cấp sở, các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc;
 - b) Cấp tài khoản quản trị cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc bộ phận được phân công) có trách nhiệm:
- a) Quản lý và sử dụng tài khoản quản trị đã được Sở Giáo dục và Đào tạo cấp;
 - b) Cấp và quản lý tài khoản khai thác cho các cơ sở giáo dục thuộc địa bàn quản lý;
 - c) Hướng dẫn, hỗ trợ và kiểm tra việc sử dụng tài khoản khai thác của các đơn vị trực thuộc theo phân quyền.

3. Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm:

- a) Sử dụng tài khoản quản trị do cấp trên cấp để phân quyền cho các bộ phận chuyên môn, cá nhân sử dụng tài khoản khai thác;
- b) Quản lý chặt chẽ việc phân quyền, bảo mật và sử dụng tài khoản trong nội bộ đơn vị;
- c) Báo cáo với cấp trên khi có phát sinh nhu cầu cấp thêm, thu hồi hoặc thay đổi thông tin tài khoản.

4. Việc cấp mới, điều chỉnh, thu hồi tài khoản phải bảo đảm đúng thẩm quyền, có biên bản hoặc đề nghị bằng văn bản; bảo đảm nguyên tắc an toàn, bảo mật và thống nhất hệ thống.

5. Trách nhiệm khi xảy ra sự cố về tài khoản

Trường hợp tài khoản bị mất, bị đánh cắp hoặc bị truy cập trái phép, cá nhân được cấp tài khoản phải thông báo kịp thời cho thủ trưởng đơn vị hoặc cấp quản lý trực tiếp để xử lý, đảm bảo an toàn hệ thống.

6. Việc rà soát, kiểm soát định kỳ hệ thống tài khoản trên Hệ thống CSDL ngành được thực hiện tối thiểu 6 tháng một lần nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các tài khoản không còn sử dụng, sai phạm, hoặc có nguy cơ mất an toàn thông tin.

Điều 7. Trách nhiệm cập nhật và quản lý dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

a) Ban hành hướng dẫn về danh mục dữ liệu, biểu mẫu, thời gian cập nhật và quy trình kiểm tra dữ liệu;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc cập nhật, khai thác và quản lý dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện tổng hợp, phân tích, báo cáo dữ liệu và chia sẻ với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra các cơ sở giáo dục trên địa bàn trong việc cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành;

b) Tổng hợp, đối soát dữ liệu theo phân cấp quản lý; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác kiểm tra, đánh giá dữ liệu.

3. Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm:

a) Tổ chức nhập liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đúng danh mục dữ liệu, biểu mẫu và thời gian quy định;

b) Cập nhật thông tin ngay khi có sự thay đổi liên quan đến người học, cán bộ, giáo viên, cơ sở vật chất và các thông tin khác theo hướng dẫn;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp quản lý trực tiếp về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của dữ liệu do đơn vị cập nhật;

d) Phối hợp với cơ quan quản lý để kiểm tra, xác minh dữ liệu khi có yêu cầu.

Điều 8. Quản lý, bảo mật và an toàn thông tin trên Hệ thống CSDL ngành

1. Hệ thống CSDL ngành được bảo đảm an toàn thông tin theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Thông tin trên Hệ thống CSDL ngành là dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng, được bảo vệ theo quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và an toàn thông tin mạng.

3. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành phải đúng mục đích, đúng phạm vi được phân quyền; bảo đảm không xâm phạm quyền riêng tư của tổ chức, cá nhân và không làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội.

4. Thủ trưởng cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm cao nhất về việc bảo đảm an toàn, an ninh và toàn vẹn dữ liệu trong phạm vi được phân cấp quản lý; tổ chức thực hiện cập nhật, kiểm tra, giám sát để bảo đảm dữ liệu được quản lý thống nhất, chính xác, đầy đủ và kịp thời trên Hệ thống CSDL ngành.

5. Các đơn vị, cá nhân sử dụng Hệ thống CSDL ngành có trách nhiệm:

a) Không chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba khi chưa được phép bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền;

b) Tự quản lý tài khoản truy cập; thiết lập và thực hiện các biện pháp bảo mật phù hợp (đổi mật khẩu định kỳ, không lưu trữ công khai, sử dụng thiết bị an toàn...);

c) Chỉ sử dụng Hệ thống CSDL ngành để phục vụ nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra rò rỉ, sai lệch, mất mát dữ liệu hoặc vi phạm quy định về bảo mật;

d) Kịp thời báo cáo cho thủ trưởng đơn vị hoặc cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi truy cập trái phép, sự cố kỹ thuật hoặc nguy cơ mất an toàn thông tin trong quá trình sử dụng hệ thống.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp an toàn thông tin; xây dựng phương án sao lưu dữ liệu, khôi phục hệ thống và xử lý rủi ro khi có sự cố xảy ra.

Điều 9. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật Hệ thống CSDL ngành

Sở Giáo dục và Đào tạo, phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm, có trách nhiệm:

a) Cung cấp tài liệu điện tử hướng dẫn sử dụng Hệ thống CSDL ngành tại địa chỉ <https://csdl.haiphong.edu.vn> hoặc địa chỉ truy cập khác do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định và thông báo bằng văn bản;

b) Tổ chức hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật thông qua tổng đài 19004740 và các kênh hỗ trợ trực tuyến khác được công bố riêng bằng văn bản.

Trong quá trình sử dụng Hệ thống CSDL ngành, khi phát sinh lỗi kỹ thuật, sự cố hệ thống hoặc không thể truy cập, các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm:

a) Báo cáo kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo để được hỗ trợ xử lý;

b) Cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến lỗi, sự cố hoặc tình huống phát sinh nhằm phục vụ công tác xác minh, khắc phục và theo dõi nhật ký kỹ thuật hệ thống.

Điều 10. Trích xuất, chia sẻ, tích hợp dữ liệu từ Hệ thống CSDL ngành

1. Việc trích xuất, chia sẻ, tích hợp dữ liệu từ Hệ thống CSDL ngành chỉ được thực hiện nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiệp vụ chuyên môn, thống kê, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, giám sát, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt bằng văn bản.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo là đơn vị chủ trì, thực hiện hoặc cho phép trích xuất, chia sẻ, tích hợp dữ liệu từ Hệ thống CSDL ngành trong phạm vi toàn thành phố. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhu cầu phải gửi văn bản đề nghị, nêu rõ mục đích, nội dung, phạm vi dữ liệu và thời gian sử dụng.

3. UBND cấp xã và các cơ sở giáo dục chỉ được quyền trích xuất, sử dụng, tổng hợp dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị và chỉ phục vụ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ nội bộ. Việc chia sẻ dữ liệu cho bên thứ ba hoặc sử dụng ngoài phạm vi công vụ phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

4. Việc tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống CSDL ngành với Cơ sở dữ liệu cấp thành phố, cấp quốc gia hoặc các hệ thống chuyên ngành khác được thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.

5. Nghiêm cấm các hành vi sau:

- a) Trích xuất, chia sẻ dữ liệu vượt thẩm quyền hoặc vì mục đích cá nhân, thương mại;
- b) Cung cấp, tiết lộ dữ liệu cho bên thứ ba không có thẩm quyền;
- c) Làm sai lệch, bóp méo hoặc sử dụng sai mục đích dữ liệu được trích xuất;
- d) Tự ý kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ Hệ thống CSDL ngành với hệ thống bên ngoài khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

Điều 11. Báo cáo, khai thác và sử dụng dữ liệu từ Hệ thống CSDL ngành

1. Báo cáo dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành là hình thức báo cáo điện tử có giá trị pháp lý tương đương với báo cáo bằng văn bản giấy; được sử dụng phục vụ công tác thống kê, quản lý nhà nước, kiểm tra và đánh giá các hoạt động giáo dục.

2. Báo cáo CSDL được thực hiện định kỳ hai (02) lần trong năm học hoặc theo yêu cầu đột xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo:

- a) Kỳ đầu năm học: chậm nhất vào ngày 15 tháng 10 hằng năm;
- b) Kỳ giữa năm học: chậm nhất vào ngày 25 tháng 01 hằng năm.
- c) Kỳ cuối năm học: chậm nhất vào ngày 15 tháng 6 hằng năm.

3. Trách nhiệm thực hiện báo cáo:

a) Cơ sở giáo dục: thực hiện nhập liệu, cập nhật, xác nhận dữ liệu đúng hạn và chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của dữ liệu;

b) UBND cấp xã: giám sát, đôn đốc, kiểm tra tiến độ và tổng hợp báo cáo của các cơ sở giáo dục trên địa bàn;

c) Sở Giáo dục và Đào tạo: theo dõi, tổng hợp, kiểm tra và sử dụng dữ liệu báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý ngành.

4. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu từ Hệ thống CSDL ngành phải bảo đảm:

a) Đúng mục đích phục vụ công tác quản lý nhà nước;

b) Đúng thẩm quyền và phạm vi truy cập được phân cấp;

c) Tuân thủ quy trình phê duyệt, trích xuất và sử dụng dữ liệu do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định;

d) Không cung cấp, chia sẻ hoặc sử dụng lại dữ liệu cho bên thứ ba khi chưa được phép bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm công bố hệ thống biểu mẫu báo cáo, định dạng kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng Hệ thống CSDL ngành để các đơn vị thực hiện thống nhất, đồng bộ.

Điều 12. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy chế

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện cập nhật, quản lý, khai thác và bảo mật dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc triển khai, vận hành và sử dụng Hệ thống CSDL ngành của các cơ sở giáo dục trên địa bàn; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc đánh giá, xác minh thông tin khi có yêu cầu.

3. Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện định kỳ theo kế hoạch hằng năm hoặc đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Kết quả kiểm tra phải được lập thành văn bản và gửi thông báo đến đơn vị được kiểm tra để chấn chỉnh, khắc phục nếu có sai sót.

4. Trường hợp phát hiện dữ liệu không chính xác, có dấu hiệu giả mạo hoặc cập nhật không đầy đủ, đơn vị quản lý trực tiếp có trách nhiệm yêu cầu cá nhân, tổ chức liên quan giải trình, thực hiện khắc phục và báo cáo kết quả xử lý về Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 13. Xử lý vi phạm trong quản lý và sử dụng Hệ thống CSDL ngành

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ, sẽ bị xử lý theo một hoặc nhiều hình thức sau:

a) Nhắc nhở, phê bình, yêu cầu rút kinh nghiệm;

b) Thu hồi quyền truy cập hệ thống, khóa tài khoản hoặc điều chỉnh quyền hạn truy cập;

c) Xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức hoặc theo quy chế nội bộ của cơ quan, đơn vị;

d) Bồi thường thiệt hại nếu gây tổn thất về dữ liệu, tài sản, uy tín cho cơ quan quản lý.

2. Các hành vi vi phạm nghiêm trọng bao gồm:

- a) Làm sai lệch, xóa bỏ, phá hoại dữ liệu trên hệ thống;
- b) Truy cập trái phép, vượt quyền hoặc chia sẻ trái phép dữ liệu cho bên ngoài;
- c) Sử dụng dữ liệu vì mục đích trục lợi, xuyên tạc, gây mất an toàn thông tin hoặc ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Các hành vi này sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành về hình sự, hành chính, dân sự và các quy định có liên quan.

3. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra, giám sát và kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề xuất xử lý các vi phạm trong phạm vi quản lý;
- b) Trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để được xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 14. Sử dụng thông tin trong Hệ thống CSDL ngành

1. Thông tin trong Hệ thống CSDL ngành có giá trị pháp lý và được sử dụng thống nhất trong hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

2. Việc truy cập, sử dụng và khai thác thông tin trong Hệ thống CSDL ngành phải thực hiện thông qua tài khoản được cấp, đúng phạm vi phân quyền và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Thông tin trong Hệ thống CSDL ngành phải được sử dụng đúng mục đích, bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu dữ liệu, quyền riêng tư và an toàn thông tin.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ sở giáo dục được quyền truy cập, sử dụng và khai thác dữ liệu thuộc phạm vi được phân cấp; đồng thời có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý kịp thời các phản ánh, khiếu nại liên quan đến dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

5. Trường hợp phát hiện thông tin không chính xác hoặc chưa đầy đủ, tổ chức, cá nhân có thể gửi đề nghị cập nhật, điều chỉnh đến cơ quan quản lý theo phân cấp để xem xét, xử lý theo quy định.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy chế này, nếu có nhu cầu khai thác hoặc sử dụng thông tin từ Hệ thống CSDL ngành, phải gửi văn bản đề nghị đến Sở Giáo dục và Đào tạo để được xem xét, cung cấp theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 15. Quy định nội bộ về khai thác và sử dụng Hệ thống CSDL ngành

1. UBND cấp xã có trách nhiệm ban hành quy định nội bộ về quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống CSDL ngành đối với các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm phù hợp với hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các cơ sở giáo dục xây dựng quy chế hoặc quy định nội bộ về sử dụng Hệ thống CSDL ngành trong đơn vị; trường hợp chưa có quy chế riêng, nội dung này phải được tích hợp vào quy chế làm việc hoặc quy chế nội bộ hiện hành.

3. Quy định nội bộ phải xác định rõ các nội dung tối thiểu sau:

- a) Thẩm quyền truy cập, khai thác, cập nhật dữ liệu đối với từng cá nhân, bộ phận;
- b) Trách nhiệm của người được giao quản lý tài khoản, cập nhật, báo cáo dữ liệu;
- c) Các biện pháp bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin; quy trình xử lý khi phát hiện sai sót, sự cố rò rỉ dữ liệu hoặc vi phạm quyền truy cập;
- d) Quy trình bàn giao, thu hồi tài khoản khi có thay đổi nhân sự, phân công nhiệm vụ.

4. Việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ phải được thực hiện bằng văn bản và lưu giữ tại đơn vị; cơ sở giáo dục báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp để theo dõi, kiểm tra theo thẩm quyền.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc và các cơ sở giáo dục trong toàn ngành triển khai, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống CSDL ngành theo đúng quy định tại Quy chế này.

2. Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Hệ thống CSDL ngành tại Sở; phân công đơn vị trực thuộc làm đầu mối kỹ thuật để quản trị phần mềm; tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, cấp và quản lý tài khoản sử dụng cho các đơn vị trong toàn ngành.

3. Phân công các phòng chuyên môn, bộ phận nghiệp vụ thuộc Sở phụ trách kiểm duyệt, khai thác và sử dụng dữ liệu thuộc lĩnh vực chuyên môn được giao; tổ chức tổng hợp, phân tích, báo cáo tình hình vận hành Hệ thống CSDL ngành định kỳ hoặc theo yêu cầu.

4. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ sử dụng Hệ thống CSDL ngành cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chuyên trách tại các cấp.

5. Nghiên cứu, tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận hành Hệ thống CSDL ngành để đề xuất giải pháp điều chỉnh, nâng cấp phần mềm, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, an ninh thông tin, mở rộng tính năng và tích hợp các nguồn dữ liệu khác phục vụ yêu cầu quản lý.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Hệ thống CSDL ngành với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của thành phố, quốc gia và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

7. Theo dõi, đánh giá chất lượng dữ liệu và tiến độ cập nhật, xác nhận, khai thác thông tin của các đơn vị để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành ngành.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở giáo dục trên địa bàn triển khai, vận hành và sử dụng Hệ thống CSDL ngành theo đúng quy định tại Quy chế này và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Hệ thống CSDL ngành trong phạm vi cấp xã; phân công cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm phụ trách theo dõi, hỗ trợ, giám sát việc cập nhật và sử dụng dữ liệu tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ trì tiếp nhận, xác minh và xử lý các phản ánh, sai sót, khiếu nại liên quan đến dữ liệu trong phạm vi quản lý; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo để xử lý các trường hợp vượt thẩm quyền.

4. Kiểm tra, đôn đốc việc ban hành và thực hiện quy định nội bộ của các cơ sở giáo dục về quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống CSDL ngành theo đúng hướng dẫn và quy định pháp luật.

5. Báo cáo kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo; đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả triển khai và bảo đảm chất lượng dữ liệu giáo dục trên địa bàn.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Thành lập Tổ công tác triển khai Hệ thống CSDL ngành tại đơn vị để thực hiện việc chỉ đạo nội bộ, phân công nhiệm vụ, giám sát việc thực hiện Quy chế này theo phân cấp; phân công cán bộ phụ trách trực tiếp cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống.

2. Thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan đến việc triển khai, vận hành, cập nhật và khai thác Hệ thống CSDL ngành.

3. Chủ động bố trí nhân sự, thiết bị kỹ thuật, tổ chức rà soát, cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn; kịp thời báo cáo và phản ánh các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình sử dụng hệ thống.

4. Ban hành quy chế hoặc quy định nội bộ về sử dụng Hệ thống CSDL ngành trong đơn vị. Trường hợp chưa có quy chế riêng, phải tích hợp nội dung này vào quy chế làm việc hoặc quy chế nội bộ hiện hành; trong đó xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn truy cập, khai thác và cập nhật dữ liệu của từng cá nhân, bộ phận.

5. Thực hiện quản lý và bảo mật tài khoản được cấp; bảo đảm việc truy cập, sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng thẩm quyền; kịp thời phát hiện, báo cáo sự cố, sai sót hoặc hành vi vi phạm liên quan đến hệ thống.

6. Thực hiện rà soát, xác nhận dữ liệu định kỳ và khi có yêu cầu; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và cơ quan quản lý trực tiếp về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của dữ liệu đã cập nhật.

7. Báo cáo tiến độ cập nhật, khai thác và sử dụng hệ thống theo thời gian quy định; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc kiểm tra, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến dữ liệu và vận hành hệ thống.

Điều 19. Kinh phí bảo đảm cho việc quản lý, vận hành Hệ thống CSDL ngành

1. Kinh phí quản lý, vận hành, bảo trì, mở rộng và nâng cấp Hệ thống CSDL ngành được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Kinh phí triển khai, vận hành, cập nhật dữ liệu và duy trì hoạt động Hệ thống CSDL ngành tại các đơn vị, cơ sở giáo dục được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý hằng năm.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm lập dự toán kinh phí hằng năm cho các hoạt động duy trì, quản lý, vận hành hệ thống và gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Căn cứ điều kiện thực tế và khả năng ngân sách được phân bổ hằng năm, các cơ sở giáo dục và Ủy ban nhân dân cấp xã có thể xây dựng dự toán và đề xuất bố trí kinh phí hỗ trợ, bồi dưỡng cho cán bộ được giao nhiệm vụ phụ trách, cập nhật, quản lý và khai thác Hệ thống CSDL ngành tại đơn vị.

Điều 20. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và được áp dụng thống nhất trong toàn ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng.

2. Quy chế này được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nội dung phù hợp của Quy chế sử dụng Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương (ban hành kèm theo Quyết định số 121/QĐ-SGDĐT ngày 28/3/2024 của Sở Giáo dục

và Đào tạo tỉnh Hải Dương), Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1062/QĐ-SGDĐT ngày 19/06/2023 và được thay thế bởi Quy chế này kể từ ngày có hiệu lực.

3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.